

TỔNG CÔNG TY TƯ VẤN XÂY DỰNG VIỆT NAM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

Hà Nội, tháng 5 năm 2014

MỤC LỤC

	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT HỢP NHẤT	10 - 32

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên) (gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo hợp nhất này gồm:

Hội đồng Thành viên

Bà Nguyễn Thị Duyên	Chủ tịch
Ông Đặng Kim Khôi	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Tố Trinh	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc

Ông Đặng Kim Khôi	Tổng Giám đốc
Ông Trần Bình Trọng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Lâm Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Thân Hồng Linh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Khanh	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc.



Đặng Kim Khôi

Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 05 năm 2014

11
: 0
HN
: M
VÀI
QU
/ 0 /



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN TÀI CHÍNH QUỐC TẾ International Auditing and Financial Consulting Company Limited

Địa chỉ : Phòng 3203, Tầng 32, Nhà 34T, KĐT Trung Hòa - Nhân Chính, Quận Cầu Giấy, Hà Nội.

Address: Room 3203, 32th Floor, 34T Building, Trung Hoa - Nhan Chinh, Cau Giay District, Hanoi, Vietnam.

Tel: +84.4 222 12 891 Fax: +84.4 222 12 892 Email: ifc@ifcvieta.com.vn Website: www.ifcvieta.com.vn

Số: 3730/2014/ BCKT-IFC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), được lập ngày 30 tháng 05 năm 2014, từ trang 6 đến trang 32, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Báo cáo của các công ty con đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên khác bao gồm: Công ty Cổ phần Tin học và Tư vấn xây dựng; Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng tổng hợp; Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng; Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng; Công ty Cổ phần Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng; Công ty Cổ phần Nước và môi trường Việt Nam; Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam; Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam; Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam và Công ty TNHH Nhà nước Một thành viên Khảo sát và Xây dựng. Chúng tôi không thực hiện được các thủ tục soát xét cần thiết theo quy định liên quan đến Báo cáo tài chính của các đơn vị chúng tôi không tiến hành kiểm toán. Do đó, chúng tôi không thể đánh giá được các ảnh hưởng (nếu có) của việc không thực hiện được các thủ tục soát xét và các ý kiến nhận xét của kiểm toán viên khác đối với các công ty con nêu trên làm ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.



BÁO CÁO KIỂM TOÁN (TIẾP THEO)

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nếu có của vấn đề đã nêu tại đoạn "Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Khúc Đình Dũng
Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 0748-2013-072-01

Thay mặt và đại diện cho

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Tài chính Quốc tế (IFC)

Hà Nội, ngày 30 tháng 05 năm 2014

Nguyễn Thị Thanh Hoa
Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán số 1402-2013-072-01

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.066.506.874.830	1.119.211.144.345
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	111.087.838.378	211.531.207.886
1. Tiền	111		85.098.920.244	104.541.906.011
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.988.918.134	106.989.301.875
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		263.192.816.135	218.283.388.814
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	263.192.816.135	218.283.388.814
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		301.498.212.498	268.599.114.948
1. Phải thu khách hàng	131		215.456.177.346	186.002.302.541
2. Trả trước cho người bán	132		30.518.395.956	38.347.065.953
3. Các khoản phải thu khác	135	V.3	71.123.519.118	53.442.079.633
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		(15.599.879.922)	(9.192.333.179)
IV. Hàng tồn kho	140		268.802.460.501	313.529.997.990
1. Hàng tồn kho	141	V.4	268.802.460.501	313.529.997.990
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		121.925.547.318	107.267.434.707
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		12.848.475.733	21.875.792.159
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.109.123.295	1.510.857.199
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		8.283.736.566	2.557.193.938
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.5	99.684.211.724	81.323.591.411
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.757.625.085	216.248.233.825
I. Tài sản cố định	220		136.108.317.379	146.685.531.806
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	111.241.492.961	120.818.422.204
- Nguyên giá	222		238.305.270.358	263.757.412.336
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(127.063.777.397)	(142.938.990.132)
2. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	5.987.192.735	7.490.718.222
- Nguyên giá	228		14.975.224.048	14.848.082.298
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.988.031.313)	(7.357.364.076)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.8	18.879.631.683	18.376.391.380
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		63.191.363.862	58.790.265.979
1. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.9	21.550.431.619	21.570.431.619
2. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	56.674.378.066	51.654.378.066
3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(15.033.445.823)	(14.434.543.706)
III. Tài sản dài hạn khác	260		13.457.943.844	10.772.436.040
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	12.682.355.145	10.105.440.635
2. Tài sản dài hạn khác	268		775.588.699	666.995.405
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.279.264.499.915	1.335.459.378.170

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Mẫu B 01 - DN/HN
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2013	01/01/2013
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		854.344.851.820	927.669.254.044
I. Nợ ngắn hạn	310		831.384.507.738	886.188.621.200
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	21.834.606.484	18.431.371.315
2. Phải trả người bán	312		39.217.687.207	35.487.214.374
3. Người mua trả tiền trước	313		390.984.911.574	480.364.649.894
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	25.791.819.772	21.966.077.511
5. Phải trả người lao động	315		41.366.475.678	34.423.114.061
6. Chi phí phải trả	316	V.14	38.670.698.167	42.494.568.012
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.15	237.503.815.650	214.976.651.325
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		36.014.493.206	38.044.974.708
II. Nợ dài hạn	330		22.960.344.082	41.480.632.844
1. Phải trả dài hạn khác	333		3.843.179.668	4.782.075.638
2. Vay và nợ dài hạn	334	V.16	2.600.000.000	2.700.000.000
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	5.509.468
4. Doanh thu chưa thực hiện	338		15.312.070.793	32.631.184.233
5. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		1.205.093.621	1.361.863.505
B. NGUỒN VỐN	400		333.537.690.390	317.316.824.194
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	333.575.923.689	317.329.355.318
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		88.059.895.644	88.059.895.644
2. Vốn khác của chủ sở hữu	413		53.715.502.901	41.848.348.003
4. Quỹ đầu tư phát triển	417		43.114.416.657	24.720.721.082
5. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.981.769.360	20.650.437.519
7. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		45.519.198.607	56.399.665.559
8. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	58.229.337
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp lại doanh nghiệp	422		94.185.140.520	85.592.058.174
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		(38.233.299)	(12.531.124)
1. Nguồn kinh phí	432		(38.233.299)	(12.531.124)
C. LỢI ÍCH CÓ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		91.381.957.705	90.473.299.932
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.279.264.499.915	1.335.459.378.170



Đặng Kim Khôi
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 05 năm 2014

Phạm Vũ Thành
Phụ trách kế toán

Phạm Vũ Thành
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 02 - DN/HN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2013	Năm 2012
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.015.628.875.836	906.565.723.636
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		41.020.291	218.110.033
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	1.015.587.855.545	906.347.613.603
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	848.925.351.341	742.432.786.166
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		166.662.504.204	163.914.827.437
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	38.004.096.286	49.813.573.857
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	800.132.239	1.648.762.484
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		77.705.901	2.071.543.113
8. Chi phí bán hàng	24		4.643.466.684	5.237.702.809
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		142.157.199.577	147.175.508.922
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		57.065.801.990	59.666.427.079
11. Thu nhập khác	31		21.927.387.413	5.808.597.991
12. Chi phí khác	32		11.408.334.227	892.514.025
13. Lợi nhuận khác	40	VI.5	10.519.053.186	4.916.083.966
14. Lãi/(lỗ) trong Công ty liên doanh, liên kết	41		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		67.584.855.176	64.582.511.045
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		16.485.768.394	15.063.313.902
16. Thu nhập (chi phí) thuế thu nhập hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		51.099.086.782	49.519.197.143
- Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số			14.880.471.394	14.753.162.358
- Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ			36.218.615.388	34.766.034.785



Dặng Kim Khôi
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 05 năm 2014


Phạm Vũ Thành
Phụ trách kế toán

Phạm Vũ Thành
Người lập


BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT
(Phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

MẪU B 03 - DN/HN
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2013	Năm 2012
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	1.018.735.035.280	1.036.800.658.973
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(529.310.542.349)	(367.198.609.659)
3. Tiền chi trả cho người lao động	3	(298.443.033.228)	(298.434.470.807)
4. Tiền chi trả lãi vay	4	(398.675.955)	(1.957.241.450)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	5	(28.573.799.031)	(19.110.863.463)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	335.875.289.507	519.389.118.066
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(578.148.629.299)	(748.694.135.517)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(80.264.355.075)	120.794.456.143
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(8.432.024.280)	(21.028.585.682)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn	22	817.645.545	11.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(347.319.974.815)	(706.700.789.726)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác	24	293.018.989.476	498.446.353.458
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(34.712.448.844)	(34.564.450.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	43.075.298.486	2.588.170.689
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	35.228.394.399	42.301.990.748
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(18.324.120.033)	(218.946.310.513)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31	-	179.140.000
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	8.909.077.669	30.649.393.315
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(5.605.842.500)	(13.941.776.550)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.277.177.790)	(14.757.103.963)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.973.942.621)	2.129.652.802
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(100.562.417.729)	(96.022.201.568)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	211.531.207.886	307.475.603.567
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	119.048.221	77.805.887
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	111.087.838.378	211.531.207.886


Đặng Kim Khôi
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 05 năm 2014


Phạm Vũ Thành
Phụ trách kế toán


Phạm Vũ Thành
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam là Công ty TNHH Một thành viên (gọi tắt là “Tổng Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 744/QĐ-BXD ngày 22 tháng 07 năm 2010 của Bộ Xây dựng. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100105278 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 31 tháng 12 năm 2010.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 310.000.000.000 đồng. Theo Quyết định số 1292/QĐ-BXD ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ xây dựng về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam thì Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 234.890.826.464 đồng. Hiện tại Tổng Công ty đang hoàn thiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới.

Trụ sở chính của Tổng Công ty đặt tại số 243 Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội.

Tổng số cán bộ công nhân của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 508 người.

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác bao gồm các dịch vụ;
- Lập và thẩm tra báo cáo kinh tế kỹ thuật, báo cáo đầu tư, dự án đầu tư xây dựng;
- Thẩm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng đô thị và nông thôn;
- Lập và thẩm tra thiết kế kỹ thuật, thiết kế bản vẽ thi công, tổng dự toán, dự toán công trình và hệ thống hạ tầng kỹ thuật;
- Tổ chức thi tuyển, tuyển chọn phương án kiến trúc;
- Lập định mức xây dựng, lập đơn giá xây dựng công trình;
- Kiểm soát chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Quản lý chi phí đầu tư xây dựng: Tổng mức đầu tư, dự toán công trình, định mức xây dựng, đơn giá xây dựng công trình, hợp đồng trong hoạt động xây dựng;
- Tư vấn đấu thầu;
- Quản lý dự án xây dựng;
- Giám sát thi công xây dựng và lắp đặt thiết bị;
- Kiểm định chất lượng công trình; thí nghiệm đất, đá, nước, nền, các loại cọc móng công trình và vật liệu xây dựng;
- Khảo sát xây dựng công trình; khảo sát đo đạc; đo vẽ bản đồ địa hình; đo lún, đo độ nghiêng; đo độ dịch chuyển và định vị công trình;
- Kiểm tra và chứng nhận sự phù hợp về chất lượng công trình xây dựng;
- Đánh giá tác động môi trường, điều tra xã hội về đô thị và các công trình xây dựng;
- Tư vấn thiết kế đường dây và trạm biến áp 220KV, hệ thống điện, âm thanh, thông tin, điện thoại, hệ thống điều khiển toàn nhà, hệ thống thông gió cấp nhiệt và điều hòa không khí, xử lý môi trường khí, khảo sát đo đạc hệ thống chống sét; hệ thống gas;
- Tư vấn thiết kế hệ thống báo cháy, chữa cháy và thiết bị bảo vệ;
- Tư vấn thiết kế chống mối cho các công trình xây dựng;
- Thiết kế hệ thống cấp, thoát nước trong và ngoài nhà; xử lý nước thải, chất rắn;
- Tư vấn xây dựng các dự án đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm (Tiếp theo):

- Tư vấn xây dựng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO-9000;
- Thiết kế trang trí nội, ngoại thất;
- Thi công xây lắp công trình; xử lý nền móng các công trình; thi công khai thác nước ngầm; thi công trang trí nội, ngoại thất;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực về lĩnh vực tư vấn xây dựng và cấp chứng nhận đào tạo các lĩnh vực tư vấn xây dựng;
- Nghiên cứu khoa học, nghiên cứu phát triển và triển khai công nghệ trong lĩnh vực quy hoạch và kiến trúc xây dựng.

Hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác.

II. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

III. ÁP DỤNG CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006 và các Thông tư hướng dẫn của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tổng Công ty đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hình thức kế toán áp dụng: Kế toán máy.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

Các ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Hệ thống Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tổ hợp được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu (chi tiết xem nội dung trình bày dưới đây) và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Tổng Công ty có 10 (mười) Công ty con. Chi tiết thông tin về các công ty con của Tổng Công ty được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính (Tiếp theo)

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ sở hữu/ tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
Đầu tư trực tiếp			
CTCP Tư vấn xây dựng Công trình vật liệu xây dựng - CCBM	Số 235, Nguyễn Trãi, Thanh Xuân, Hà Nội	51%	Tư vấn lập dự án đầu tư xây dựng; khảo sát và giám sát công trình xây dựng; thi công và cung cấp vật tư thiết bị xây dựng.
CTCP Tư vấn đầu tư và Thiết kế Xây dựng Việt Nam - CDC (*)	Số 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	51%	Lập và thẩm định dự án đầu tư xây dựng; khảo sát địa hình và khảo sát địa chất đo đạc công trình xây dựng.
CTCP Tin học và Tư vấn xây dựng - CIC	Số 37 Lê Đại Hành, Hai Bà Trưng, Hà Nội	67,5%	Sản xuất, phát triển khai thác và cung cấp sản phẩm phần mềm và các dịch vụ CNTT, thương mại điện tử, dịch vụ GTGT trên mạng.
CTCP Tư vấn công nghệ, thiết bị và kiểm định xây dựng - CONINCO	Số 4, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	51%	Lập dự án đầu tư xây dựng; thẩm định dự án; kiểm định xây dựng.
CTCP Tư vấn Xây dựng tổng hợp - NAGECCO	Số 29 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 1, Hồ Chí Minh	51%	Thiết kế xây dựng; Khảo sát đo đạc địa hình xây dựng công trình; Giám sát thi công xây dựng.
CTCP Tư vấn Xây dựng công nghiệp và đô thị Việt Nam - VCC	Số 10, Hoa Lư, Hai Bà Trưng, Hà Nội	51%	Tổng thầu tư vấn các dự án vốn đầu tư trong nước, nước ngoài tại VN; Quy hoạch xây dựng vùng; Lập, thẩm tra báo cáo đầu tư.
CTCP Nước và môi trường Việt Nam - WIWASE	Số 5, Đường Thành, Hoàn Kiếm, Hà Nội	50,5%	Tư vấn, tổng thầu tư vấn, khảo sát, thiết kế, quản lý dự án công trình cấp, thoát nước...; Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường.
Công ty TNHH MTV Kiểm định Kỹ thuật, An toàn và Tư vấn xây dựng - INCOSAF	Số 4, Tôn Thất Tùng, Đống Đa, Hà Nội	100%	Kiểm định an toàn các máy, thiết bị, vật tư; Thực hiện các dịch vụ tư vấn an toàn lao động; Đào tạo sát hạch về an toàn lao động.
Công ty TNHH Nhà nước MTV Khảo sát và Xây dựng - USCO	Số 91 Phùng Hưng, Hoàn Kiếm, Hà Nội	100%	Khảo sát địa chất công trình; Đo đạc thành lập bản đồ; Thí nghiệm mẫu cơ lý, hóa, vật liệu xây dựng, môi trường và kiểm định xây dựng.
Đầu tư gián tiếp			
Công ty TNHH MTV Tư vấn Thiết kế Xây dựng Miền Nam	67/46L Đinh Tiên Hoàng, Phường 3, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh	51%	Lập dự án đầu tư; Thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; Thiết kế, giám sát thi công xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông thiểu số trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

Các khoản đầu tư dài hạn

Đầu tư vào công ty con

Công ty con là công ty mà Tổng Công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động nhằm thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư dài hạn khác

Các khoản đầu tư dài hạn khác bao gồm đầu tư cổ phiếu, trái phiếu, góp vốn vào các đơn vị khác với tỷ lệ nhỏ hơn 20% vốn điều lệ của công ty nhận đầu tư và đầu tư dài hạn khác. Các khoản đầu tư này được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá Đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản Đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	03
Phương tiện vận tải	03
Thiết bị văn phòng	02

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là phần mềm Autodesk và phần mềm kết cấu chuyên dụng trong tính toán và thiết kế nhà cao tầng (Etabs) có thời gian khấu hao 5 năm.

Tài sản cố định vô hình là Bằng sáng chế và thương hiệu được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất vô thời hạn và không thực hiện trích khấu hao.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng hai năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu của Tổng Công ty bao gồm doanh thu tư vấn đầu tư và xây dựng, tổng thầu tư vấn kể cả hình thức EPC các dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp và các loại hình công trình khác; doanh thu từ hoạt động xây lắp... và các doanh thu khác.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận căn cứ theo biên bản nghiệm thu thanh lý hoặc theo tiến độ thanh toán và yêu cầu xuất hóa đơn của chủ đầu tư.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Công ty về hợp đồng xây dựng. (xem chi tiết dưới đây)

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thưởng thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” và Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền mặt	23.768.613.132	23.337.794.866
Tiền gửi ngân hàng	61.330.307.112	81.204.111.145
Các khoản tương đương tiền (*)	25.988.918.134	106.989.301.875
Cộng	111.087.838.378	211.531.207.886

(*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền gửi có kỳ hạn		
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cầu Giấy	22.400.000.000	3.100.000.000
- Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thăng Long	158.036.181.476	101.896.181.476
- Tiền gửi tại các ngân hàng khác	82.756.634.659	113.287.207.338
Cộng	263.192.816.135	218.283.388.814

3. Các khoản phải thu khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tiền ứng thi công công trình	32.833.218.121	32.263.358.768
Thuế thu nhập cá nhân phải thu	2.185.013.782	4.237.422.996
Tiền cổ tức phải thu	2.910.650.000	989.822.075
Phải thu cán bộ nhân viên	870.021.069	896.209.113
BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ phải thu	1.263.693.531	1.345.262.353
Các đối tượng khác	31.060.922.615	13.710.004.328
Cộng	71.123.519.118	53.442.079.633

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Hàng tồn kho

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	577.315.458	1.035.844.330
Công cụ, dụng cụ	197.717.614	1.350.598.001
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	265.781.382.602	309.315.163.486
Thành phẩm	152.790.545	15.869.037
Hàng hóa	2.093.254.282	1.812.523.136
Cộng	268.802.460.501	313.529.997.990

5. Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thiếu chờ xử lý	13.842.018	-
Tạm ứng	98.212.607.700	79.158.239.545
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.457.762.006	2.165.351.866
Cộng	99.684.211.724	81.323.591.411

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

7. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Thương hiệu VND	Phần mềm máy tính VND	Khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại 01/01/2013	494.100.000	3.044.768.920	11.176.111.086	133.102.292	14.848.082.298
Mua trong năm	-	-	67.827.500	325.991.900	393.819.400
Giảm khác	-	-	(266.677.650)	-	(266.677.650)
Tại 31/12/2013	494.100.000	3.044.768.920	10.977.260.936	459.094.192	14.975.224.048
HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại 01/01/2013	-	568.430.714	6.655.831.070	133.102.292	7.357.364.076
Khấu hao trong năm	-	94.738.454	1.716.200.943	43.143.538	1.854.082.935
Giảm khác	-	-	(223.415.698)	-	(223.415.698)
Tại 31/12/2013	-	663.169.168	8.148.616.315	176.245.830	8.988.031.313
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại 01/01/2013	494.100.000	2.476.338.206	4.520.280.016	-	7.490.718.222
Tại 31/12/2013	494.100.000	2.381.599.752	2.828.644.621	282.848.362	5.987.192.735

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2013 VND	01/01/2013 VND
Nâng cấp, sửa chữa, cải tạo trụ sở văn phòng	6.460.516.683	5.653.544.708
Dự án Xuân Phương Garden - Từ Liêm - Hà Nội	12.416.000.000	12.416.000.000
Dự án Nhà máy nước Như Quỳnh	-	296.229.909
Các công trình khác	3.115.000	10.616.763
Cộng	18.879.631.683	18.376.391.380

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

9. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Góp vốn liên doanh	-	5.007.360.000	-	5.007.360.000
- Công ty CP Thiết kế Xây dựng và Phát triển	-	1.845.360.000	-	1.845.360.000
- Công ty TNHH Cấp nước Yên Lập - Quảng Ninh	-	882.000.000	-	882.000.000
- Công ty Cổ phần Bảo trì Thang máy CONINCO - SEC Việt Nhật	-	2.280.000.000	-	2.280.000.000
Đầu tư vào Công ty liên kết	19.636.307	16.543.071.619	1.656.307	16.563.071.619
- Công ty CP Đầu tư Phát triển An Việt	533.200	5.332.000.000	533.200	5.332.000.000
- Công ty CP Nước, môi trường và HKKT Sài Gòn	185.580	1.855.800.000	185.580	1.855.800.000
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng hạ tầng Phương Đông	138.586	1.385.860.000	138.586	1.385.860.000
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư Xây dựng Hạ tầng Lạc Việt	93.409	934.089.605	93.409	934.089.605
- Công ty CP Sản xuất vật liệu xây dựng Việt Nam	84.000	840.000.000	84.000	840.000.000
- Công ty CP Tư vấn đầu tư và DV Kỹ thuật CCBM-S	3.726	37.255.906	3.726	37.255.906
- Công ty CP Coninco Máy xây dựng và Công trình Công nghiệp	105.000	1.050.000.000	105.000	1.050.000.000
- Công ty CP Coninco Tư vấn và Đầu tư	62.500	625.000.000	62.500	625.000.000
- Công ty CP Coninco Công nghệ Xây dựng và Môi trường	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
- Công ty CP Coninco Quản lý dự án và Đầu tư	75.000	750.000.000	75.000	750.000.000
- Công ty CP Tư vấn và Đầu tư quản lý xây dựng Miền Nam	50.000	500.000.000	50.000	500.000.000
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	-	-	20.000	200.000.000
- Công ty CP Coninco 3C	72.000	720.000.000	72.000	720.000.000
- Công ty CP Coninco Đầu tư Bất động sản và Tư vấn Xây dựng	72.000	720.000.000	72.000	720.000.000
Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng VCC Hà Nội	18.000.000	180.000.000	-	-
- Công ty CP Tư vấn Đầu tư Xây dựng VCC Việt Nam	86.307	863.066.108	86.307	863.066.108
Cộng	19.636.307	21.550.431.619	1.656.307	21.570.431.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

10. Đầu tư dài hạn khác

	31/12/2013		01/01/2013	
	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp	Số lượng cổ phần	Giá trị vốn góp
Đầu tư cổ phiếu				
- Công ty CP Chứng khoán Sài Gòn - SSI	8.000	752.000.000	8.000	752.000.000
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương	389.237	14.404.432.000	389.237	14.404.432.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Đô thị và KCN Sông Đà - SJS	12.500	1.462.100.000	12.500	1.462.100.000
- Công ty CP Cơ điện lạnh - REE	29.700	1.658.571.500	29.700	1.658.571.500
Đầu tư dài hạn khác				
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội SHB	57.489	812.340.000	57.489	812.340.000
- Công ty CP Bất động sản LILAMA LAND	1.300.000	13.000.000.000	1.300.000	13.000.000.000
- Công ty CP Tư vấn đầu tư Xây dựng VCC Hà Nội	-	-	18.000	180.000.000
- Công ty CP Xây dựng dầu khí	300.000	3.000.000.000	300.000	3.000.000.000
- Công ty CP Địa ốc Tân Cảng	800.000	8.000.000.000	800.000	8.000.000.000
- Công ty Tư vấn Công trình Châu Á Thái Bình Dương	-	545.408.960	-	545.408.960
- Công ty CP Bất động sản An Việt		2.000.000.000		2.000.000.000
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển Xây dựng Investco	480.739	4.999.052.411	480.739	4.999.052.411
- Công ty CP Tư vấn Thiết kế và Đầu tư Xây dựng Hưng Thịnh	20.000	200.000.000	-	-
- Đầu tư dự án Xây dựng và Kinh doanh nhà với IDICO	-	840.473.195	-	840.473.195
Tiền gửi có kỳ hạn trên 1 năm	-	5.000.000.000	-	-
Cộng	3.397.665	56.674.378.066	3.395.665	51.654.378.066

11. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	9.941.712.250	8.050.433.050
Chi phí sửa chữa tài sản	-	352.283.872
Chênh lệch giá trị phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp khi xác định cổ phần hóa	1.186.880.135	1.582.480.135
Chi phí trả trước dài hạn khác	1.553.762.760	120.243.578
Cộng	12.682.355.145	10.105.440.635

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

12. Vay và nợ ngắn hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay các tổ chức tín dụng	1.175.580.669	5.000.000.000
Vay tổ chức, cá nhân khác	20.659.025.815	13.431.371.315
Cộng	21.834.606.484	18.431.371.315

13. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	10.581.484.606	9.627.430.853
Thuế xuất, nhập khẩu	17.091.750	438.119
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.083.076.200	3.894.985.836
Thuế thu nhập cá nhân	2.719.327.821	5.029.450.762
Thuế khác	9.390.839.395	3.413.771.941
Cộng	25.791.819.772	21.966.077.511

14. Chi phí phải trả

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Chi phí lãi vay	42.756.164	280.685.615
Chi phí dự án, công trình	37.839.646.684	39.912.180.345
Chi phí bảo hiểm công trình	-	376.766.816
Chi phí khác	788.295.319	1.924.935.236
Cộng	38.670.698.167	42.494.568.012

15. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	210.791.896	295.767.295
Kinh phí công đoàn	1.161.347.061	1.579.150.148
Bảo hiểm xã hội	2.928.031.976	1.720.371.514
Bảo hiểm y tế	1.185.657.914	997.931.364
Các khoản phải trả khác	232.017.986.803	210.383.431.004
Cộng	237.503.815.650	214.976.651.325

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

16. Vay và nợ dài hạn

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vay tổ tức, các nhân khác	2.600.000.000	2.700.000.000
Cộng	2.600.000.000	2.700.000.000

17. Vốn chủ sở hữu

a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 310.000.000.000 đồng. Theo Quyết định số 1292/QĐ-BXD ngày 16 tháng 12 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc phê duyệt Điều lệ tổ chức và hoạt động (sửa đổi, bổ sung) của Tổng Công ty Tư vấn Xây dựng Việt Nam thì Vốn điều lệ của Tổng Công ty là 234.890.826.464 đồng. Hiện tại Tổng Công ty đang hoàn thiện các thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh mới. Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, tình hình góp vốn điều lệ của Tổng Công ty như sau:

	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	88.059.895.644	88.059.895.644
Vốn góp của Nhà nước	88.059.895.644	88.059.895.644
Vốn khác của chủ sở hữu	53.715.502.901	41.848.348.003
Vốn bổ sung từ lợi nhuận	53.657.273.564	41.848.348.003
Vốn bổ sung từ việc điều chỉnh các quỹ	58.229.337	-
Cộng	141.775.398.545	129.908.243.647

b. Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND
Số dư tại 01/01/2012	87.788.401.154	29.247.018.866	58.103.607.934
Lợi nhuận tăng trong năm	271.494.490	-	34.766.034.785
Phân phối quỹ	-	12.588.498.674	(28.684.811.374)
Tăng khác	-	12.830.463	1.706.008.455
Trả cổ tức	-	-	(3.467.598.000)
Giảm khác	-	-	(6.023.576.241)
Số dư tại 31/12/2012	88.059.895.644	41.848.348.003	56.399.665.559
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	36.218.615.388
Phân phối quỹ	-	11.808.925.561	(38.246.538.206)
Tăng khác	-	58.229.337	7.905.618
Giảm khác	-	-	(8.860.449.752)
Số dư tại 31/12/2013	88.059.895.644	53.715.502.901	45.519.198.607

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

MẪU B 09 - DN/HN

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

b. Thay đổi trong Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

	Chênh lệch tỷ giá	Quỹ đầu tư	Quỹ dự phòng	Quỹ khác của	Nguồn vốn đầu tư	Quỹ hỗ trợ sắp xếp	Tổng cộng
	VND	VND	VND	vốn CSH	xây dựng cơ bản	doanh nghiệp	VND
Số dư tại 01/01/2012	1.054.069.609	21.625.714.292	16.318.471.505	282.919.493	58.229.337	83.438.095.361	297.916.527.551
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	35.037.529.275
Phân phối quỹ	-	2.009.333.577	4.140.804.215	-	-	-	(9.946.174.908)
Tặng khác	1.003.458.566	1.085.673.213	191.161.799	-	-	2.869.722.090	6.868.854.586
Trả cổ tức	-	-	-	-	-	-	(3.467.598.000)
Giảm khác	(2.057.528.175)	-	-	(282.919.493)	-	(715.759.277)	(9.079.783.186)
Số dư tại 31/12/2012	-	24.720.721.082	20.650.437.519	-	58.229.337	85.592.058.174	317.329.355.318
Lợi nhuận tăng trong năm	-	-	-	-	-	-	36.218.615.388
Phân phối quỹ	-	3.257.052.960	3.496.562.824	-	-	-	(19.683.996.861)
Tặng khác	-	15.136.642.615	16.897.771	-	(58.229.337)	8.593.082.346	23.754.528.350
Giảm khác	-	-	(15.182.128.754)	-	-	-	(24.042.578.506)
Số dư tại 31/12/2013	-	43.114.416.657	8.981.769.360	-	-	94.185.140.520	333.575.923.689

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Trong đó:		
- Doanh thu bán hàng	18.414.553.148	27.650.173.190
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	965.450.536.739	878.915.550.446
- Doanh thu hoạt động xây lắp	31.763.785.949	
Cộng	1.015.628.875.836	906.565.723.636
Các khoản giảm trừ	41.020.291	218.110.033
- Giảm giá hàng bán	-	206.629.347
- Hàng bán bị trả lại	41.020.291	11.480.686
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.015.587.855.545	906.347.613.603

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Giá vốn bán hàng hóa	14.207.775.440	14.134.599.900
Giá vốn cung cấp dịch vụ	804.130.623.200	728.298.186.266
Giá vốn hoạt động xây lắp	30.586.952.701	-
Cộng	848.925.351.341	742.432.786.166

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2013 VND	Năm 2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	31.183.945.046	41.817.799.909
Lợi nhuận từ các khoản đầu tư	4.053.182.024	4.001.598.870
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	154.398.126	151.295.147
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	20.156.865	742.819.522
Doanh thu chuyển nhượng thương mại	2.462.253.385	-
Doanh thu tài chính khác	130.160.840	3.100.060.409
Cộng	38.004.096.286	49.813.573.857

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

4. Chi phí tài chính

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Chi phí lãi vay	77.705.901	2.071.543.113
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	35.993.937	36.805.053
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.892.480	4.257.563
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư	124.486.774	-482.851.489
Chi phí tài chính khác	554.053.147	19.008.244
Cộng	800.132.239	1.648.762.484

5. Lợi nhuận khác

	Năm 2013	Năm 2012
	VND	VND
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	1.170.781.334	-
Xử lý các khoản công nợ phải trả	10.433.083.818	-
Các khoản thu khác	10.323.522.261	5.808.597.991
Thu nhập khác	21.927.387.413	5.808.597.991
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	27.069.458	-
Phạt chậm nộp thuế	193.644.417	503.364.673
Các khoản chi khác	11.187.620.352	389.149.352
Chi phí khác	11.408.334.227	892.514.025
Lợi nhuận từ hoạt động khác	10.519.053.186	4.916.083.966

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các chủ sở hữu thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền, phần vốn chủ sở hữu gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số IV "Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu" tương ứng.

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2013	01/01/2013
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền	111.087.838.378	211.531.207.886
Phải thu khách hàng và phải thu khác	270.979.816.542	230.252.048.995
Đầu tư ngắn hạn	263.192.816.135	218.283.388.814
Đầu tư dài hạn	41.640.932.243	37.219.834.360
Cộng	686.901.403.298	697.286.480.055
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	24.434.606.484	21.131.371.315
Phải trả người bán và phải trả khác	280.564.682.525	255.245.941.337
Chi phí phải trả	38.670.698.167	42.494.568.012
Cộng	343.669.987.176	318.871.880.664

Tổng Công ty chưa thực hiện công tác đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210/2009/TT-BTC yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty chưa thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ ít, theo đó, Tổng Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty phát sinh các khoản vay ít, vì vậy Tổng Công ty chịu ít rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay đã được ký kết.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động vốn ngân sách nhà nước và thường xuyên đối chiếu công nợ.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà

Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

1. Công cụ tài chính (Tiếp theo)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	276.721.502.857	3.843.179.668	280.564.682.525
Chi phí phải trả	38.670.698.167	-	38.670.698.167
Các khoản vay	21.834.606.484	2.600.000.000	24.434.606.484
Cộng	337.226.807.508	6.443.179.668	343.669.987.176
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013			
Phải trả người bán và phải trả khác	250.463.865.699	4.782.075.638	255.245.941.337
Chi phí phải trả	42.494.568.012	-	42.494.568.012
Các khoản vay	18.431.371.315	2.700.000.000	21.131.371.315
Cộng	311.389.805.026	7.482.075.638	318.871.880.664

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2013			
Tiền	111.087.838.378	-	111.087.838.378
Phải thu khách hàng và phải thu khác	270.979.816.542	-	270.979.816.542
Đầu tư ngắn hạn	263.192.816.135	-	263.192.816.135
Đầu tư dài hạn	-	41.640.932.243	41.640.932.243
Cộng	645.260.471.055	41.640.932.243	686.901.403.298
	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tại 01/01/2013			
Tiền	211.531.207.886	-	211.531.207.886
Phải thu khách hàng và phải thu khác	230.252.048.995	-	230.252.048.995
Đầu tư ngắn hạn	218.283.388.814	-	218.283.388.814
Đầu tư dài hạn	-	37.219.834.360	37.219.834.360
Cộng	660.066.645.695	37.219.834.360	697.286.480.055

2. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN/HN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

VII. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP THEO)

3. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 đã được kiểm toán.



Đặng Kim Khôi
Tổng Giám đốc
Ngày 30 tháng 05 năm 2014

Phạm Vũ Thành
Phụ trách kế toán

Phạm Vũ Thành
Người lập